

Số: **1275/SNN-TCCB**

*Tuyên Quang, ngày 09 tháng 7 năm 2021*

V/v thực hiện các nhiệm vụ nâng cao Chỉ số DCI năm 2021 và các năm tiếp theo

Kính gửi: Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở.

Thực hiện Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tuyên Quang năm 2021; Kế hoạch số 28/KH-SNN ngày 07/4/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 và các năm tiếp theo.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở:

**1.** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung tham mưu và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ và các nhóm giải pháp chủ yếu tại Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tuyên Quang năm 2021; Kế hoạch số 28/KH-SNN ngày 07/4/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 và các năm tiếp theo.

**2.** Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của người dân, doanh nghiệp tham gia các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh. Kiên quyết sàng lọc, thay thế cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ, yếu kém về năng lực, quan liêu, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của người dân và doanh nghiệp.

**3.** Tập trung tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp để duy trì, cải thiện mức xếp hạng 04 chỉ số thành phần<sup>1</sup> và nâng điểm số, mức xếp hạng 03 chỉ số thành phần có điểm số và mức xếp hạng năm 2020 thấp<sup>2</sup> theo mục tiêu nêu tại mục 2, phần II, Kế hoạch số 28/KH-SNN ngày 07/4/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

---

<sup>1</sup> Duy trì, cải thiện mức xếp hạng 04 chỉ số thành phần, gồm: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Văn hóa giao tiếp, ứng xử, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Thiết chế pháp lý.

<sup>2</sup> Nâng điểm số, mức xếp hạng 03 chỉ số thành phần có điểm số và mức xếp hạng năm 2020 thấp, gồm: Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; Tính năng động; Chi phí không chính thức.

4. Đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh, hạn chế thấp nhất tiếp xúc trực tiếp giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước.

5. Tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo và quy định về phòng, chống dịch bệnh Covid-19; thực hiện mục tiêu kép, vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh.

*(Chi tiết nhiệm vụ phân công cho các phòng, đơn vị theo phụ lục gửi kèm)*

Giao Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị đầu mối theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các phòng, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện; định kỳ hàng quý, 6 tháng (trước ngày 30 của các tháng 3, 6, 9) và năm (trước ngày 15/12) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Hiệp hội DN tỉnh (phối hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Như trên (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Việt**

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH (DCI)  
NĂM 2021 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO**

(Kèm theo Văn bản số 1275/SNN-TCCB ngày 09/7/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Duy trì, cải thiện mức xếp hạng 04 chỉ số thành phần</b>			
<b>1</b>	<b>Chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”</b>			
1.1	Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và khả năng tương tác Trang thông tin điện tử của Sở; tạo đường link liên kết với Trang thông tin điện tử các sở, ban ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
1.2	Kịp thời cập nhật, đăng tải <b>công khai</b> đầy đủ, rõ ràng, đúng quy định các văn bản quy phạm pháp luật; các chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch của ngành; các thông tin <b>mời thầu và các</b> tài liệu (trừ tài liệu mật) hướng dẫn, hỗ trợ các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên Trang thông tin điện tử của Sở.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
1.3	100% TTHC, nhóm TTHC thuộc phạm vi, chức năng giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT được niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa”, Trang thông tin điện tử của Sở, Cổng Dịch vụ công của tỉnh; Cổng Dịch vụ công quốc gia sau khi UBND tỉnh ban hành quyết định công bố TTHC, phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
<b>2</b>	<b>Chỉ số “Văn hóa giao tiếp, ứng xử, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính”</b>			
2.1	Tổ chức thực hiện nghiêm Kế hoạch số 08/KH-SNN ngày 31/01/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về triển khai thực hiện Đề án văn hóa công vụ tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở; kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm văn hóa công vụ, công sở, những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp và biểu dương, khen thưởng cán bộ, công chức tiêu biểu có tinh thần, thái	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	độ chuẩn mực trong giao tiếp, ứng xử, xây dựng môi trường văn hóa công sở văn minh, thân thiện, liêm chính, kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp.			
2.2	Quản lý chặt chẽ công chức, viên chức và người lao động, đảm bảo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước.	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở		Thường xuyên
2.3	Tăng cường trách nhiệm của công chức làm nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết TTHC, công chức làm nhiệm vụ giải quyết TTHC; nâng cao chất lượng và cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ TTHC, hướng tới số hóa hồ sơ, giấy tờ, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản, giấy, giao dịch trực tiếp sang hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, giao dịch điện tử và cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào thời gian, địa giới hành chính.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
2.4	Thực hiện “4 xin (xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép), 4 luôn (luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ)” trong giao dịch, giải quyết TTHC với cá nhân, tổ chức.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
2.5	Nâng cấp máy móc, thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” của Sở và các đơn vị trực thuộc để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
<b>3</b>	<b>Chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh”</b>			
3.1	Định kỳ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn để kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý những quy định không phù hợp, trái pháp luật gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp và rà soát các TTHC, nhóm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT, đảm bảo các quy định về TTHC đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của người dân, doanh nghiệp.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
3.2	Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương trên địa	Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Thủy lợi; Chi cục trồng trọt và	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	bản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	BVTV		
3.3	Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
3.4	Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh tham gia các hội chợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Đến năm 2025, có thêm ít nhất 01 cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến có sản phẩm xuất khẩu	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
3.5	Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX ứng dụng khoa học – kỹ thuật, đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao năng lực quản lý, tiêu chuẩn hóa sản phẩm tham gia Chương trình OCOP; hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu <b>hàng hóa</b> , chỉ dẫn địa lý, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Đến năm 2025: (1) Toàn tỉnh có trên 230 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên ( <i>trong đó có thêm ít nhất 150 sản phẩm được đánh giá công nhận trong giai đoạn 2021-2025</i> ); hỗ trợ tiêu chuẩn hoá 10 sản phẩm tiềm năng 5 sao, lập hồ sơ trình Hội đồng đánh giá, phân hạng cấp Quốc gia, trong đó có ít nhất 07 sản phẩm OCOP đạt hạng 5 sao. (2) Trên 90% cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản được cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP ( <i>năm 2020 đạt 52%</i> ); Trên 80% cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn ( <i>năm 2020 đạt 25%</i> ).	Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>4</b>	<b>Chỉ số “Thiết chế pháp lý”</b>			
4.1	Thực hiện tốt công tác tiếp công dân theo Quyết định số 19/QĐ-SNN ngày 14/01/2021 về ban hành Nội quy tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang.	Thanh tra Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
4.2	Công khai số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ hộp thư điện tử; tổ chức tiếp nhận, xử lý, giải quyết kịp thời, dứt điểm các kiến nghị, đề nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân, doanh nghiệp ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, nhất là về hành vi nhũng nhiễu, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc, gây phiền hà, khó khăn, thiệt hại cho doanh nghiệp. Công khai kết quả giải quyết, xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật; theo dõi, đôn đốc tổ chức, cá nhân có sai phạm thực hiện việc công khai xin lỗi và khắc phục hậu quả để đảm bảo quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp.	Thanh tra Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
4.3	Thường xuyên lắng nghe và tham vấn ý kiến của người dân, doanh nghiệp, nhất là trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và PTNT, hạn chế tối đa các bất cập, những “lỗ hổng” dễ làm phát sinh tiêu cực đối với cán bộ, người dân, doanh nghiệp.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
4.4	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tránh chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng thanh tra, kiểm tra. Qua thanh tra, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu khi giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.	Thanh tra Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
<b>II</b>	<b>Tập trung cải thiện, nâng điểm số và mức xếp hạng 03 chỉ số thành phần có điểm số và mức xếp hạng năm 2020 thấp</b>			
<b>1</b>	<b>Chỉ số “Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính”</b>			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1.1	Thực hiện rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, nhóm TTHC thuộc phạm vi, chức năng giải quyết, quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT; thời gian giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp phải gắn với việc thực hiện cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC theo quy định.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
1.2	<p>Đẩy mạnh giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.</p> <p>Đến hết năm 2022: (1) Hoàn thành kết nối chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Sở để phục vụ xác thực, định danh điện tử và cắt giảm đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC; (2) tối thiểu 30% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cấp lại các thông tin giấy tờ, tài liệu đã cung cấp khi thực hiện TTHC trước đó; (3) thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận Một cửa giảm xuống trung bình còn tối đa 30 phút/1 lần giao dịch; (3) mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công đạt tối thiểu 90% trở lên; (4) 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền của Sở được quy trình số hóa vào lưu trữ điện tử và có giá trị tái sử dụng trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử.</p>	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
1.3	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các TTHC; tăng cường tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và dịch vụ Bru chính công ích, giảm thiểu tối đa thời gian giải quyết TTHC; thực hiện thu phí, lệ phí không dùng tiền mặt, thực hiện thanh toán qua thẻ, thanh toán điện tử.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
1.4	100% hồ sơ giải quyết TTHC thực hiện tại Bộ phận “Một cửa” được đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định tại Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh. Căn cứ kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp để khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1.5	Thực hiện thí điểm “Phòng họp không giấy tờ” trong các cuộc họp, tài liệu họp được gửi qua Phần mềm quản lý văn bản, các đại biểu sử dụng máy tính xách tay hoặc các phương tiện tiếp cận thông tin hiện đại khác phục vụ cuộc họp.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Từ quý IV/2021
<b>2</b>	<b>Chỉ số “Tính năng động”</b>			
2.1	Công khai số điện thoại, địa chỉ hộp thư điện tử đường dây nóng tiếp nhận thông tin, phản ánh và kết quả giải quyết những những phản ánh, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp liên quan đến môi trường đầu tư, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên Trang thông tin điện tử.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
2.2	Thường xuyên rà soát, phát hiện những bất cập trong quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có nội dung chưa rõ, khó hiểu, đa nghĩa, mâu thuẫn, chồng chéo, khó tuân thủ hoặc thiếu tính khả thi, bất hợp lý để kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo quy định cho phù hợp với tình hình thực tiễn.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
2.3	Định kỳ hàng quý, tham dự các Chương trình “Cà phê doanh nhân”; chuẩn bị tốt các nội dung đối thoại với người dân, doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ theo thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc mà người dân, doanh nghiệp đang gặp phải trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của ngành.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Định kỳ hàng quý
<b>3</b>	<b>Chỉ số “Chi phí không chính thức”</b>			
3.1	Công bố kịp thời, đầy đủ, công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các điều kiện kinh doanh đã được bãi bỏ, các điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa, các nội dung sửa đổi, bổ sung, các quy định mới trong các lĩnh vực kinh doanh để làm phát sinh các chi phí không chính thức.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên
3.2	Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tạo chi	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	phí không chính thức cho doanh nghiệp; kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể gương mẫu, tiêu biểu trong việc thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm, hiệu quả các quy định của pháp luật, tạo thuận lợi và góp phần tiết kiệm chi phí tuân thủ pháp luật.		thuộc Sở	
3.3	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước và giao dịch giữa cơ quan quản lý nhà nước với người dân, doanh nghiệp; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ Bru chính công ích trong thực hiện TTHC, hạn chế thấp nhất tiếp xúc trực tiếp giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên